LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 1 (Từ ngày 02 tháng 03 đến 08 tháng 03 năm 2026)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																						
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN				
							Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Giáo viên	Đơn vị quản lý học phần
1	ĐH	18	20252AT6072001	Phân tích mạch điện trên ô tô	CL	26							1÷6	403-A10	1/10													Ngô Quang Tạo	TTTHTNOT
2	ĐH	18	20252AT6072002	Phân tích mạch điện trên ô tô	CL	26							7÷12	403-A10	1/10													Ngô Quang Tạo	TTTHTNOT
3	ĐH	18	20252AT6044001	Kết cấu động cơ	CL	23							4÷6	412-A10	1/15													Nguyễn Thành Vinh	TTTHTNOT
4	ĐH	18	20252AT6045001	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	25							10÷12	419-A10	1/15													Đoàn Công Thành	TTTHTNOT
5	ĐH	18	20252AT6096002	Thực hành động cơ chuyên sâu	CL	23													7÷12	416-A10	1/15							Nguyễn Thành Vinh	TTTHTNOT
6	ĐH	19	20252AT6044002	Kết cấu động cơ	CL	25				1÷3	413-A10	1/15																Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTTHTNOT
7	ĐH	19	20252AT6044003	Kết cấu động cơ	CL	25										1÷3	412-A10	1/15										Nguyễn Thành Vinh	TTTHTNOT
8	ĐH	19	20252AT6044004	Kết cấu động cơ	CL	25																1÷3	416-A10	1/15				Lê Đình Mạnh	TTTHTNOT
9	ĐH	19	20252AT6044005	Kết cấu động cơ	CL	25				7÷9	413-A10	1/15																Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTTHTNOT
10	ĐH	19	20252AT6044006	Kết cấu động cơ	CL	25										7÷9	412-A10	1/15										Nguyễn Thành Vinh	TTTHTNOT
11	ĐH	19	20252AT6044007	Kết cấu động cơ	CL	25																7÷9	416-A10	1/15				Lê Đình Mạnh	TTTHTNOT
12	ĐH	19	20252AT6044008	Kết cấu động cơ	CL	25				1÷3	412-A10	1/15																Chu Đức Hùng	TTTHTNOT
13	ĐH	19	20252AT6044009	Kết cấu động cơ	CL	25				13÷15	413-A10	1/15																Bùi Văn Chinh	TTTHTNOT
14	ĐH	19	20252AT6044010	Kết cấu động cơ	CL	25										1÷3	413-A10	1/15										Chu Đức Hùng	TTTHTNOT
15	ĐH	19	20252AT6044011	Kết cấu động cơ	CL	25																1÷3	412-A10	1/15				Chu Đức Hùng	TTTHTNOT
16	ĐH	19	20252AT6044013	Kết cấu động cơ	CL	10	13÷15	413-A10	1/15																			Lê Hữu Chúc	TTTHTNOT
17	ĐH	19	20252AT6044014	Kết cấu động cơ	CL	25							13÷15	412-A10	1/15													Đoàn Công Thành	TTTHTNOT
18	ĐH	19	20252AT6044015	Kết cấu động cơ	CL	25													13÷15	413-A10	1/15							Bùi Văn Chinh	TTTHTNOT
19	ĐH	19	20252AT6044016	Kết cấu động cơ	CL	25	1÷3	412-A10	1/15																			Lê Đình Mạnh	TTTHTNOT
20	ĐH	19	20252AT6044017	Kết cấu động cơ	CL	25							1÷3	413-A10	1/15													Chu Đức Hùng	TTTHTNOT
21	ĐH	19	20252AT6044018	Kết cấu động cơ	CL	25													1÷3	413-A10	1/15							Phạm Minh Hiếu	TTTHTNOT
22	ĐH	19	20252AT6044 TA001	Structure of the Internal Combustion Engine	CL	20				3÷5	412-A10	1/15																Nguyễn Xuân Khoa	TTTHTNOT
23	ĐH	19	20252AT6045002	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23				1÷3	403-A10	1/15																Lê Đình Mạnh	TTTHTNOT
24	ĐH	19	20252AT6045003	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23										1÷3	419-A10	1/15										Lê Hữu Chúc	TTTHTNOT
25	ĐH	19	20252AT6045004	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23																1÷3	403-A10	1/15				Đoàn Công Thành	TTTHTNOT
26	ĐH	19	20252AT6045005	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23	1÷3	418-A10	1/15																			Đoàn Công Thành	TTTHTNOT
27	ĐH	19	20252AT6045006	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23							1÷3	419-A10	1/15													Nguyễn Thành Bắc	TTTHTNOT
28	ĐH	19	20252AT6045007	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23													1÷3	403-A10	1/15							Nguyễn Mạnh Dũng	TTTHTNOT
29	ĐH	19	20252AT6045008	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23	7÷9	418-A10	1/15																			Đoàn Công Thành	TTTHTNOT
30	ĐH	19	20252AT6045009	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23							7÷9	418-A10	1/15													Lê Hữu Chúc	TTTHTNOT
31	ĐH	19	20252AT6045010	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23													7÷9	403-A10	1/15							Ngô Quang Tạo	TTTHTNOT
32	ĐH	19	20252AT6045011	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23	1÷3	419-A10	1/15																			Chu Đức Hùng	TTTHTNOT
33	ĐH	19	20252AT6045012	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23	13÷15	418-A10	1/15																			Nguyễn Thành Vinh	TTTHTNOT
34	ĐH	19	20252AT6045013	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	22							1÷3	408-A10	1/15													Nguyễn Minh Thắng	TTTHTNOT
35	ĐH	19	20252AT6045014	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23													1÷3	418-A10	1/15							Ngô Quang Tạo	TTTHTNOT
36	ĐH	19	20252AT6045015	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23													13÷15	403-A10	1/15							Chu Đức Hùng	TTTHTNOT
37	ĐH	19	20252AT6045017	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23										13÷15	419-A10	1/15										Lê Đình Mạnh	TTTHTNOT
38	ĐH	19	20252AT6045019	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23				1÷3	419-A10	1/15																Đoàn Công Thành	TTTHTNOT
39	ĐH	19	20252AT6045020	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23										1÷3	418-A10	1/15										Ngô Quang Tạo	TTTHTNOT
40	ĐH	19	20252AT6045021	Hệ thống điện-điện tử ô tô	CL	23																1÷3	418-A10	1/15				Ngô Quang Tạo	TTTHTNOT
41	ĐH	19	20252AT6045 TA001	Automotive Electrical and Electronic Systems	CL	19							1÷3	418-A10	1/15													Lê Hữu Chúc	TTTHTNOT
42	ĐH	18	20252AT6052001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	23																7÷12	409-A10	1/15				Ngô Quang Tạo	TTTHTNOT
43	ĐH	18	20252AT6052002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	25	1÷2	404-A10	1/15																			Nguyễn Thành Vinh	TTTHTNOT
44	ĐH	19 LT	20252AT6052003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	25																7÷8	409-A10	1/15				Chu Đức Hùng	TTTHTNOT
45	ĐH	18	20252AT6025002	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25							1, 2, 3, 4, 5, 6	516A10	1/10													Nguyễn Xuân Hiển	KCNOTO
46	ĐH	18	20252AT6029 TA001	Automobile Chassis Experiments	CL	27	7,8,9,10,11,12	404, A10	1/10																			Nguyễn Xuân Tuấn	KCNOTO
47	ĐH	18	20252AT6029010	Thí nghiệm ô tô	CL	22													7,8,9,10,11,1	404, A10	1/10							Nguyễn Xuân Tuấn	KCNOTO
48	ĐH	18	20252AT6029003	Thí nghiệm ô tô	CL	25				1,2,3,4,5,6	404 -A10	1/10																Phạm Việt Thành	KCNOTO
49	ĐH	18	20252AT6029006	Thí nghiệm ô tô	CL	25							7,8,9,10,11,12	404 - A10	1/10													Phạm Việt Thành	KCNOTO
50	ĐH	18	20252AT6029002	Thí nghiệm ô tô	CL	25	7,8,9,10,11,12	409, A10	1/10																			Bùi Văn Hải	KCNOTO
51	ĐH	18	20252AT6029011	Thí nghiệm ô tô	CL	25																1,2,3,4,5,6	409, A10	1/10				Bùi Văn Hải	KCNOTO
52	ĐH	18	20252AT6029004	Thí nghiệm ô tô	CL	26				7,8,9,10,11,1	408, A10	1/10																Trịnh Đắc Phong	KCNOTO
53	ĐH	18	20252AT6029009	Thí nghiệm ô tô	CL	27													1,2,3,4,5,6	408, A10	1/10							Trịnh Đắc Phong	KCNOTO
54	ĐH	18	20252AT6029007	Thí nghiệm ô tô	CL	25										1,2,3,4,5,6	404 -A10	1/10										Nguyễn Thế Anh	KCNOTO
55	ĐH	18	20252AT6290012	Thí nghiệm ô tô	CL	24																7,8,9,10,11,1	404, A10	1/10				Nguyễn Thế Anh	KCNOTO